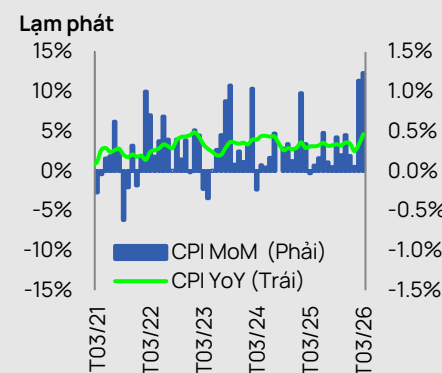
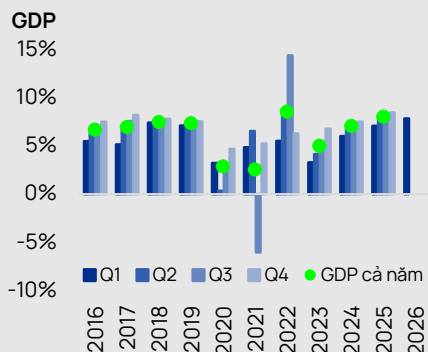


Số liệu trong tháng	T2	T3
CPI (% YoY)	3,4	4,7
Doanh thu bán lẻ (% YoY)	11,9	12,1
Chỉ số SXCN (% YoY)	0,6	6,9
KN xuất khẩu (tỷ USD)	33,1	46,4
KN nhập khẩu (tỷ USD)	34,1	47,1
Giải ngân FDI (tỷ USD)	1,5	2,2
Lợi suất TPCP 5 năm (%)	3,8	4,1
DN đăng ký mới	11.307	21.951

Dự báo Cả năm	2025	2026F
GDP danh nghĩa (tỷ USD)	514	550
GDP tăng trưởng thực (%)	8,0	8,5
CPI (%)	3,3	4,3
Tăng trưởng xuất khẩu (%)	17,0	12,0
Tăng trưởng nhập khẩu (%)	19,4	13,0
Cán cân thương mại (tỷ USD)	20,1	18,0
Tăng trưởng tín dụng (%)	19,0	17,9
Giải ngân FDI (tỷ USD)	27,6	29,0



Đào Minh Quang
Chuyên viên

Hoàng Thúy Lương
Trưởng phòng cao cấp

Tăng trưởng GDP quý 1/2026 đạt mức cao nhất kể từ năm 2010

- Tăng trưởng GDP quý 1/2026 đạt mức cao nhất trong cùng kỳ kể từ năm 2010:** GDP quý 1 tăng trưởng 7,83% so với cùng kỳ (YoY). Kết quả này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi và sát với mục tiêu 8% cho quý 1 của Chính phủ theo Nghị quyết 23/NQ-CP. Chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2026 ở mức 8,5%. Tuy nhiên dự báo này có thể sẽ bị ảnh hưởng từ rủi ro địa chính trị tại Trung Đông và biến động của giá năng lượng.
- Sản lượng sản xuất duy trì đà tăng trưởng mạnh:** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) quý 1 tăng 9,0% YoY (quý 1/2025: +8,3% YoY), chủ yếu nhờ kết quả tích cực của ngành sản xuất, chế biến & chế tạo với mức tăng 9,7% YoY trong quý 1/2026 (quý 1/2025: +9,5% YoY). Dù các đơn hàng mới gia tăng có thể hỗ trợ hoạt động sản xuất trong ngắn hạn, nhưng xung đột leo thang tại Trung Đông có thể tác động tiêu cực đến nhu cầu toàn cầu và chi phí nguyên vật liệu.
- Doanh thu bán lẻ cải thiện trong quý 1/2026:** Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10,9% YoY trong quý 1/2026 (so với mức tăng 9,5% YoY trong quý 1/2025). Giá cả tăng cao có thể khiến nhu cầu tiêu dùng chững lại trong thời gian tới. Tuy nhiên, các biện pháp kịp thời của Chính phủ – thông qua việc giảm thuế nhập khẩu nhiên liệu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế GTGT đối với xăng dầu, các loại phí giao thông và sử dụng quỹ bình ổn giá xăng dầu – sẽ giúp giảm bớt áp lực về giá.
- Giải ngân đầu tư công tăng tốc trong tháng 3:** Ngân sách Nhà nước (NSNN) quý 1 ghi nhận mức thặng dư 299,3 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, giải ngân đầu tư công quý 1 tăng mạnh 44,6% YoY, đạt 116,1 nghìn tỷ đồng, nhờ mức giải ngân cao trong tháng 3 đạt 73,6 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi cho rằng tốc độ giải ngân đầu tư công có thể được tăng tốc trong những tháng tiếp theo.
- Vốn FDI đăng ký đạt mức cao nhất trong gần 8 năm:** Trong tháng 3, vốn FDI đăng ký tăng mạnh 145,7% YoY, đạt 9,2 tỷ USD, mức giải ngân theo tháng cao nhất trong gần 8 năm qua. Tính chung quý 1/2026, tổng vốn FDI đăng ký tăng mạnh 42,9%, đạt 15,2 tỷ USD. Trong khi đó, vốn FDI giải ngân vẫn duy trì tích cực, tăng 9,4% YoY đạt 2,2 tỷ USD trong tháng 3, đưa mức giải ngân cả quý 1/2026 lên 5,4 tỷ USD (+9,1% YoY). Việc các doanh nghiệp hàng đầu Hàn Quốc sẽ đến Việt Nam vào cuối tháng 4 có khả năng sẽ tạo ra cơ hội thu hút thêm dòng vốn lớn hơn.
- Việt Nam ghi nhận thâm hụt thương mại cao trong quý 1/2026:** Trong quý 1/2026, cả kim ngạch xuất khẩu (122,9 tỷ USD; +19,1% YoY) và kim ngạch nhập khẩu (126,6 tỷ USD; +27,0% YoY) vẫn duy trì đà tăng trưởng tốt. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng nhập khẩu nhanh hơn (chủ yếu do nhóm hàng máy tính & linh kiện điện tử và xăng dầu) dẫn đến thâm hụt thương mại 3,6 tỷ USD - mức thâm hụt cao nhất quý 1 kể từ khi chúng tôi bắt đầu theo dõi dữ liệu vào năm 2011. Các doanh nghiệp xuất khẩu dự kiến sẽ đẩy mạnh lượng hàng sang Mỹ để tận dụng mức thuế quan 10% đang được áp dụng tạm thời.
- Giá xăng dầu khiến chỉ số CPI tăng mạnh trong tháng 3:** CPI tháng 3 tăng 4,65% YoY (+1,23% so với tháng trước - MoM), chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng gần 30% trong bối cảnh căng thẳng tại Trung Đông, nâng CPI bình quân quý 1/2026 lên mức 3,5%. Lệnh ngừng bắn gần đây giữa Mỹ và Iran và đà giảm sau đó của giá dầu thô toàn cầu, cùng với việc đẩy mạnh cắt giảm thuế trong nước có thể giúp giảm bớt áp lực lạm phát trong tháng 4.
- Tỷ giá USD/VND tăng 1,1% trong tháng 3:** Tỷ giá USD/VND đóng cửa ở mức 26.340 trong tháng 3, do mức tăng của chỉ số DXY (+2,4%) và nhu cầu USD trong nước gia tăng. Mặc dù những thay đổi trong kỳ vọng về chính sách của Fed cùng tình trạng nhập siêu gây áp lực lên tỷ giá, nhưng dòng vốn FDI ổn định sẽ góp phần giảm bớt các rủi ro này.

GDP

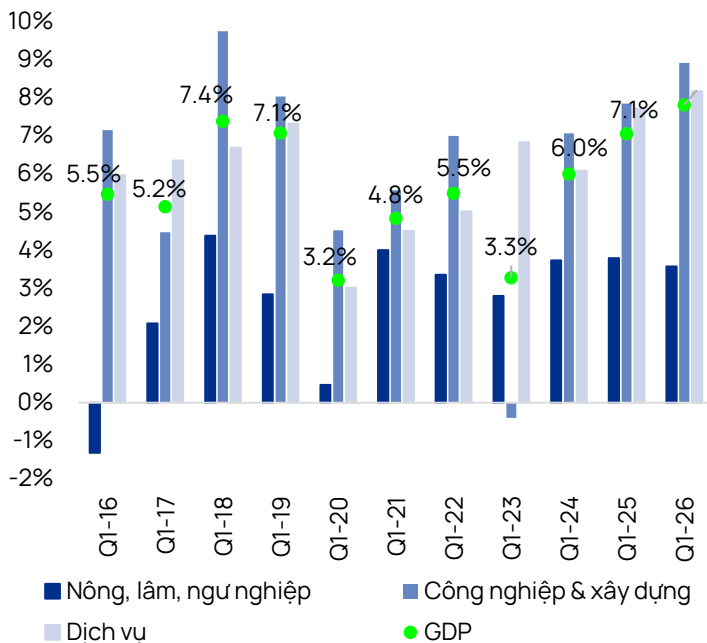
Tăng trưởng GDP quý 1/2026 đạt mức cao nhất cùng kỳ kể từ năm 2010

Theo Cục Thống kê, GDP của Việt Nam tăng 7,83% YoY (quý 1/2025: +7,51% YoY) – mức tăng trưởng quý 1 cao nhất kể từ năm 2010. Con số này phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi và sát với mục tiêu 8% cho quý 1 của Chính phủ theo Nghị quyết 23/NQ-CP.

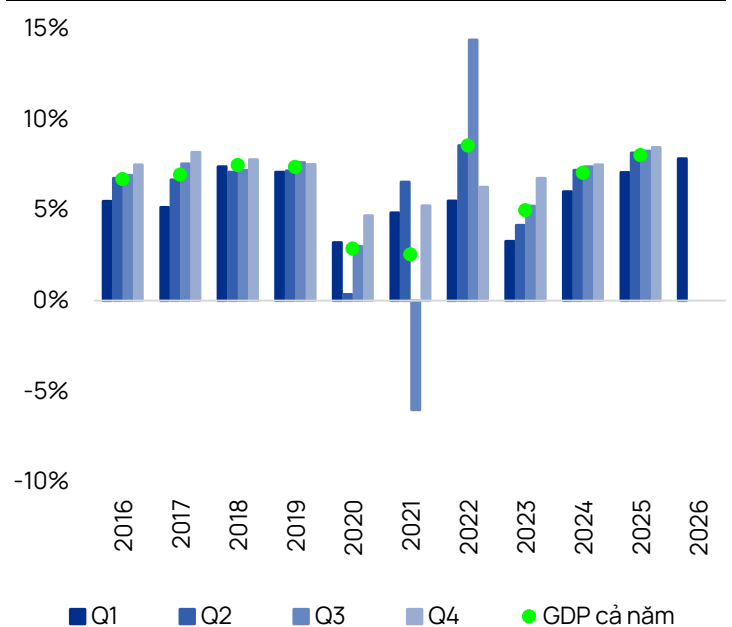
Kết quả của ba khu vực kinh tế chính trong quý 1/2026 như sau:

- Khu vực Công nghiệp và xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất trong ba khu vực với mức tăng 8,92% YoY trong quý 1 (quý 1/2025: +7,86% YoY), cao nhất trong 8 năm qua, đóng góp 44,1% vào mức tăng trưởng GDP chung của quý 1/2026. Tất cả các phân ngành đều ghi nhận tăng trưởng, với động lực chính đến từ ngành sản xuất, chế biến & chế tạo với mức tăng 9,73% YoY (quý 1/2025: +9,36% YoY).
- Trong khi đó, Khu vực Dịch vụ tiếp tục là khu vực đóng góp lớn nhất vào GDP, tăng trưởng 8,18% YoY trong quý 1 (quý 1/2025: +7,72% YoY) và đóng góp 50,3%. Trong Khu vực Dịch vụ, tất cả các phân ngành đều tăng trưởng, trong đó hoạt động văn hóa và thể thao (+9,7% YoY), bán buôn và bán lẻ (+9,6% YoY), hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước (+9,6% YoY), và vận tải kho bãi (+8,9% YoY) ghi nhận mức tăng mạnh nhất.
- Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng trưởng 3,58% YoY trong quý 1 (quý 1/2025: +3,80% YoY) và đóng góp 5,6% vào mức tăng trưởng GDP.

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo khu vực



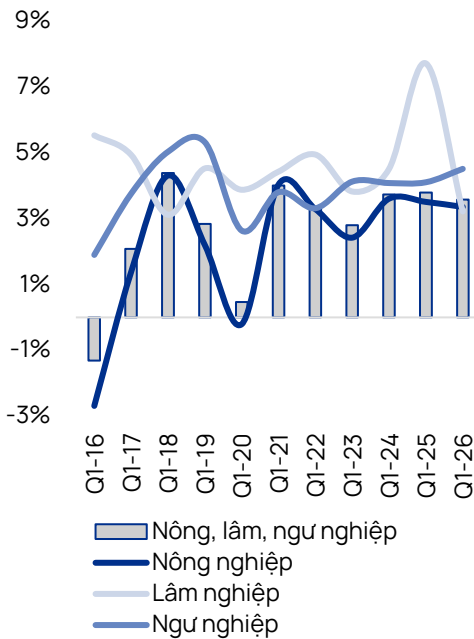
Hình 2: Tăng trưởng GDP theo quý



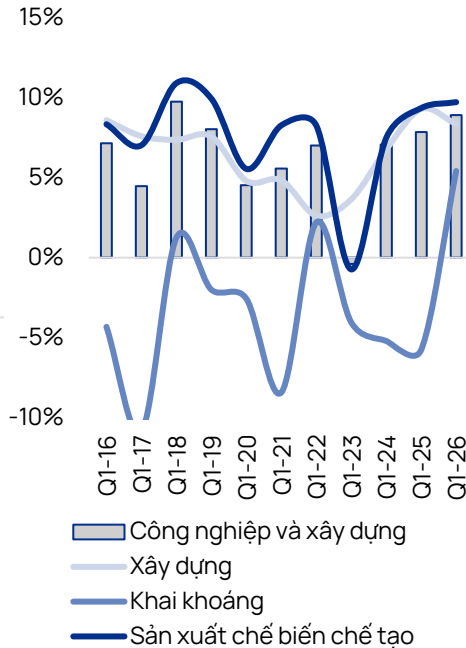
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

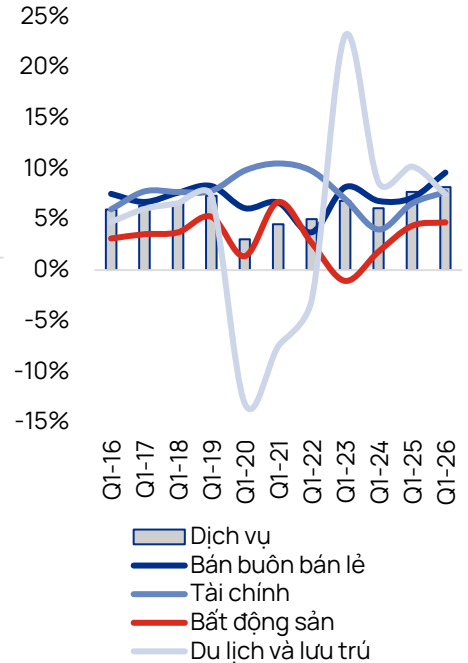
Hình 3: Tăng trưởng GDP Nông nghiệp, Lâm nghiệp & Thủy sản



Hình 4: Tăng trưởng GDP Công nghiệp & Xây dựng



Hình 5: Tăng trưởng GDP Dịch vụ



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Triển vọng: Chúng tôi duy trì dự báo tăng trưởng GDP ở mức 8,5% trong năm 2026 (với các rủi ro giảm dự báo được theo dõi chặt chẽ)

- **Nền tảng quý 1 vững chắc:** GDP quý 1/2026 của Việt Nam tăng trưởng 7,83% YoY, phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi và bám sát mục tiêu 8% của Chính phủ theo Nghị quyết 23/NQ-CP. Tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi động lực từ Khu vực Công nghiệp và Xây dựng (+8,92% YoY), cùng với hoạt động sản xuất, chế biến & chế tạo ổn định (+9,7% YoY). Các dòng vốn đầu tư cũng cho thấy sự khởi sắc đáng kể: vốn FDI đăng ký tăng 42,9% YoY/vốn FDI thực hiện tăng 9,1% YoY, trong khi giải ngân đầu tư công tăng tốc ở mức 44,6% YoY.
- **Áp lực vĩ mô gia tăng nhưng hiện vẫn trong tầm kiểm soát:** CPI tháng 3 tăng 4,65% YoY (+1,23% MoM), phần lớn do giá xăng dầu trong nước tăng mạnh gần 30% trong bối cảnh căng thẳng Trung Đông leo thang. Trong khi đó, cán cân thương mại chuyển sang trạng thái thâm hụt lũy kế 3,6 tỷ USD trong quý 1/2026 khi nhập khẩu tăng 27,0% YoY - mặc dù chúng tôi đánh giá một phần đây là chỉ báo sớm cho hoạt động sản xuất mạnh hơn trong thời gian tới.
- **Chính sách ứng phó chủ động:** Để giảm thiểu tác động của chi phí nhiên liệu tăng cao, Chính phủ đã nhanh chóng triển khai một số biện pháp. Các biện pháp này bao gồm cắt giảm thuế nhập khẩu xăng dầu xuống 0%, loại bỏ thuế bảo vệ môi trường và thuế GTGT đối với xăng và dầu diesel, tạm ứng 8.000 tỷ đồng cho Quỹ Bình ổn giá xăng dầu, và miễn các loại phí liên quan đến vận tải cho đến hết tháng 6/2026.
- **Căng thẳng địa chính trị tạm thời hạ nhiệt:** Mặc dù đã xuất hiện yếu tố hỗ trợ ngắn hạn vào ngày 08/04 với lệnh ngừng bắn có điều kiện kéo dài 2 tuần giữa Mỹ và Iran (bao gồm việc mở lại eo biển Hormuz), chúng tôi đánh giá đây là tình hình rất dễ thay đổi. Với các cuộc đàm phán chính thức dự kiến diễn ra vào ngày 10/04 tại Islamabad, điều này giúp tạm thời giải tỏa những lo ngại về nguồn cung năng lượng toàn cầu. Tuy nhiên, lệnh ngừng bắn này có thể chỉ kéo dài ngắn hạn; bất kỳ bên nào cũng có thể thay đổi quyết định bất cứ lúc nào, khiến rủi ro leo thang trở lại đột ngột trở thành điểm trọng yếu cần chú ý.
- **Quan điểm tích cực dựa trên sự ổn định vĩ mô toàn cầu:** Chúng tôi duy trì quan điểm tích cực về triển vọng tăng trưởng của Việt Nam, được hỗ trợ bởi các chính sách trong nước và bộ

máy lãnh đạo mới đang huy động nguồn lực để theo đuổi mục tiêu tăng trưởng đầy tham vọng trên 10%/năm cho giai đoạn 2026–2030 của Đại hội Đảng lần thứ XIV. Tuy nhiên, dự báo 8,5% cho năm 2026 của chúng tôi rất nhạy cảm với tình hình Trung Đông. Nếu lệnh ngừng bắn ko được duy trì và giá năng lượng tăng mạnh trở lại, áp lực chi phí kéo dài sẽ hạn chế tính linh hoạt của chính sách tiền tệ và có khả năng khiến chúng tôi phải điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng trong các quý tới.

Hình 6: Các biện pháp hỗ trợ gần đây của Chính phủ

Ngày	Chính sách
09/03/2026	Giảm thuế nhập khẩu: Chính phủ ban hành Nghị định 72/2026/NĐ-CP giảm thuế nhập khẩu ưu đãi đối với xăng từ 10% xuống 0% và đối với dầu diesel, nhiên liệu bay, dầu hỏa và dầu mazut từ 7% xuống 0%.
11/03/2026	Sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu: Việt Nam tái khởi động việc chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu sau hơn ba năm.
14/03/2026	Giảm thuế tiêu thụ đặc biệt: Bộ Xây dựng đã đề nghị Bộ Tài chính xem xét giảm thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường đối với xăng và dầu diesel nhằm giảm bớt áp lực chi phí cho ngành vận tải và xây dựng.
24/03/2026	Giảm thuế môi trường: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/03, Bộ Tài chính đề xuất giảm thuế bảo vệ môi trường đối với các sản phẩm xăng dầu, với mức giảm đối với xăng từ 2.000 đồng xuống 1.000 đồng/lít và dầu diesel từ 1.000 đồng xuống 500 đồng/lít. Quyết định 482/QĐ-TTg ngày 26/03/2026 về việc áp dụng thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng, dầu diesel và nhiên liệu bay khi cần thiết vì lợi ích quốc gia.
26/03/2026	Cụ thể, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ ethanol), dầu diesel và nhiên liệu bay là 0 đồng/lít. Xăng, dầu diesel và nhiên liệu bay không thuộc đối tượng kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Mức thuế tiêu thụ đặc biệt đối với tất cả các loại xăng là 0%.
27/03/2026	Nghị quyết 69/NQ-CP: Chính phủ tạm ứng 8.000 tỷ đồng cho Quỹ Bình ổn giá xăng dầu.
30/03/2026	Đề xuất kiến nghị Quốc hội miễn các loại thuế đối với xăng và dầu diesel (từ ngày 16/04/2026 đến ngày 30/06/2026). Theo đó, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ ethanol), dầu diesel và nhiên liệu bay sẽ là 0 đồng/lít. Mức thuế tiêu thụ đặc biệt đối với tất cả các loại xăng cũng sẽ là 0%.
08/04/2026	Từ ngày 07/04 đến ngày 30/06/2026, Bộ Tài chính thực hiện miễn nhiều loại phí và lệ phí trong các lĩnh vực hàng không, hàng hải, đường thủy nội địa và đường sắt. Chính sách này nhằm hỗ trợ khẩn cấp cho các doanh nghiệp vận tải đang chịu áp lực lớn từ việc giá nhiên liệu tăng cao do căng thẳng tại Trung Đông.

Nguồn: Vietcap tổng hợp

Sản xuất Công nghiệp

Sản lượng sản xuất duy trì đà tăng trưởng mạnh

Trong tháng 3, chỉ số IIP toàn ngành tăng 6,9% YoY (tháng 3/2025: +9,9% YoY). Kết quả này đã đưa mức tăng trưởng IIP chung trong quý 1/2026 lên 9,0% YoY (quý 1/2025: +8,3% YoY), chủ yếu đến từ kết quả tích cực của ngành sản xuất, chế biến & chế tạo với mức tăng 9,7% YoY trong quý 1/2026 (quý 1/2025: +9,5% YoY).

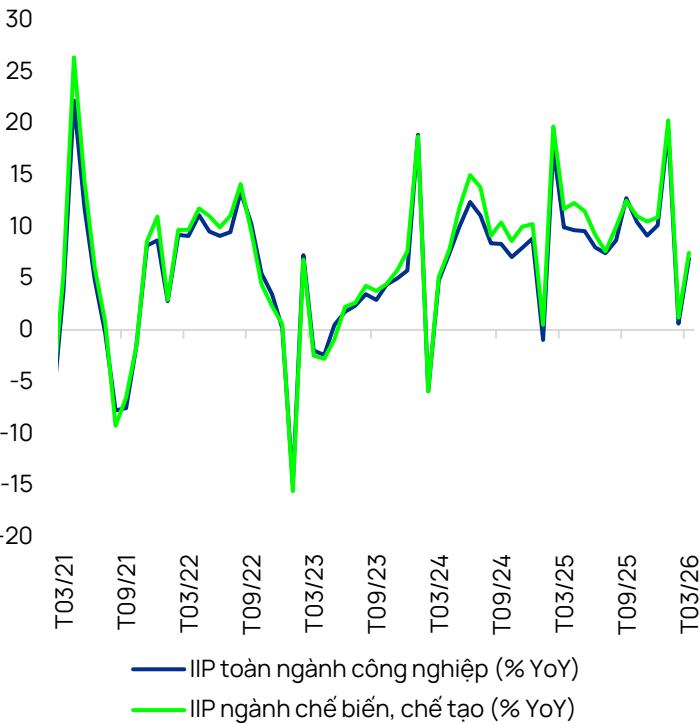
Trong quý 1/2026, phần lớn các phân ngành sản xuất, chế biến & chế tạo đều ghi nhận tăng trưởng, trong đó có một phần ba số ngành đạt mức tăng trưởng hai con số. Các ngành có kết quả tốt nhất bao gồm sản xuất kim loại đúc sẵn (+22,9% YoY), sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị (+21,0% YoY), sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (+19,7% YoY) và sản xuất hóa chất cùng các sản phẩm hóa chất (+18,2% YoY). Ngược lại, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (-2,2% YoY) cùng sản xuất phương tiện vận tải khác (-0,9% YoY) là hai ngành duy nhất tăng trưởng âm.

Hình 7: Tăng trưởng IIP theo ngành trong tháng 3/2026

	MoM	YoY	Q1 2026 so với Q1 2025
Toàn ngành	18,8%	6,9%	9,0%
Khai khoáng	26,7%	2,6%	4,7%
SX chế biến chế tạo	17,7%	7,5%	9,7%

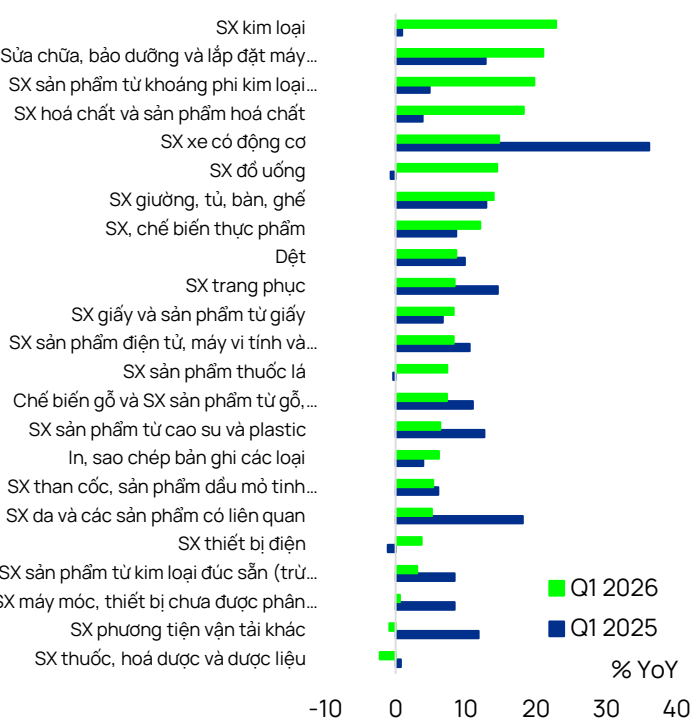
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 8: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) theo tháng



Nguồn: Cục Thống kê, Cục Hải quan, Vietcap

Hình 9: IIP sản xuất chế biến chế tạo



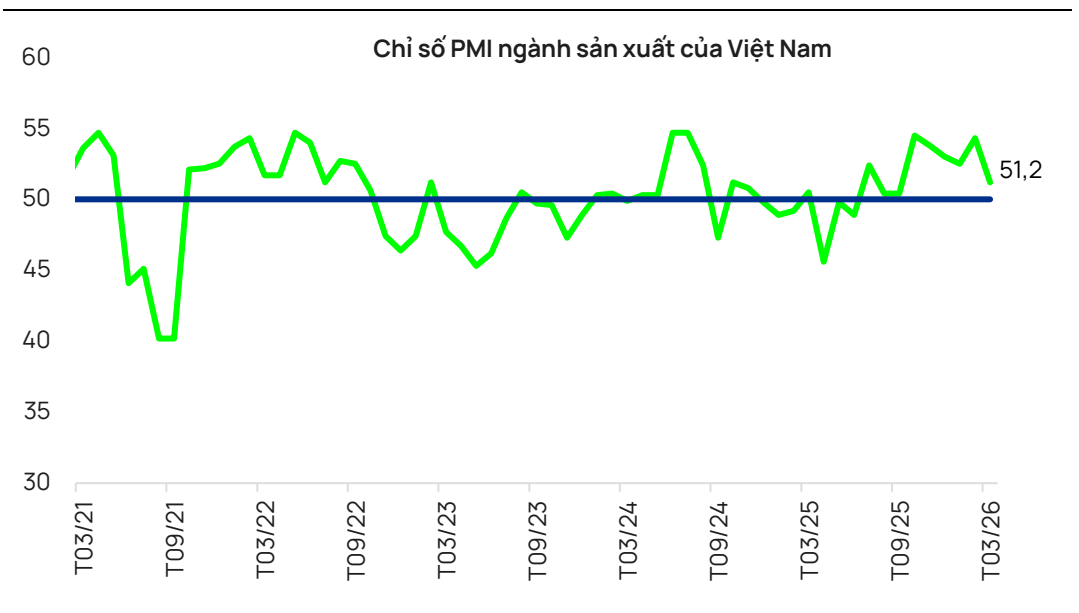
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Giá đầu vào ngành sản xuất, chế biến & chế tạo tăng mạnh nhất trong 15 năm do căng thẳng Trung Đông theo khảo sát PMI

Trong tháng 3, chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam của S&P Global đã giảm xuống mức 51,2 từ mức 54,3 trong tháng 2. Mặc dù chỉ số PMI giảm, chỉ số vẫn cho thấy sự cải thiện liên tục của các điều kiện kinh doanh trong tháng thứ 9 liên tiếp.

Theo khảo sát PMI, áp lực giá đầu vào gia tăng đã làm kìm hãm nhu cầu, khiến tốc độ tăng trưởng sản lượng và tổng số đơn hàng mới chững lại ở mức thấp nhất kể từ tháng 6/2025 và tháng 9/2025. Đáng chú ý, một số doanh nghiệp báo cáo rằng các khách hàng trong nước đã đẩy sớm việc mua hàng để phòng hộ cho các đợt tăng giá dự kiến, điều này đã hỗ trợ tạm thời cho tăng trưởng đơn hàng trong nước. Ngược lại, số lượng đơn hàng xuất khẩu mới giảm đáng kể do nhu cầu quốc tế yếu đi. Do đó, hoạt động mua sắm và mức độ sử dụng lao động cũng sụt giảm theo.

Hình 10: Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI)



Nguồn: S&P Global, Vietcap

Triển vọng: Theo báo cáo PMI mới nhất, số lượng đơn hàng mới duy trì đà tăng có thể tiếp tục hỗ trợ hoạt động sản xuất trong những tháng tới. Tuy nhiên, niềm tin kinh doanh đã giảm xuống mức thấp nhất trong 6 tháng, phản ánh lo ngại ngày càng tăng về việc xung đột tại Trung Đông có thể làm gián đoạn nhu cầu toàn cầu, đẩy giá cả leo thang và gây áp lực lên nguồn cung nguyên vật liệu, cho thấy triển vọng ngắn hạn đầy thách thức đối với ngành này. Mặc dù vậy, việc nhập khẩu tăng mạnh trong quý 1 cho thấy các nhà sản xuất đang chủ động tích trữ nguyên liệu đầu vào để chuẩn bị cho hoạt động sản xuất trong tương lai.

Hình 11: Chỉ số PMI của Việt Nam và một số quốc gia ASEAN khác

	T4 -25	T5 -25	T06 -25	T07 -25	T08 -25	T09 -25	T10 -25	T11 -25	T12- 25	T01- 26	T02 -26	T03 -26
Việt Nam	45,6	49,8	48,9	52,4	50,4	50,4	54,5	53,8	53,0	52,5	54,3	51,2
Philippines	53,0	50,1	50,7	50,9	50,8	49,9	50,1	47,4	50,2	52,9	54,6	51,3
Myanmar	45,4	47,6	49,0	49,5	50,4	53,1	51,5	51,4	50,6	50,9	51,5	51,5
Thái Lan	49,5	51,2	51,7	51,9	52,7	54,6	56,6	56,8	57,4	52,7	53,5	54,1
Indonesia	46,7	47,4	46,9	49,2	51,5	50,4	51,2	53,3	51,2	52,6	53,8	50,1
Malaysia	48,6	48,8	49,3	49,7	49,9	49,8	49,5	50,1	50,1	50,2	49,3	50,7
ASEAN	48,7	49,2	48,6	50,1	51,0	51,6	52,7	53,0	52,7	52,8	53,8	51,8

Nguồn: S&P Global, Vietcap tổng hợp

Tiêu dùng

Doanh thu bán lẻ cải thiện trong quý 1/2026

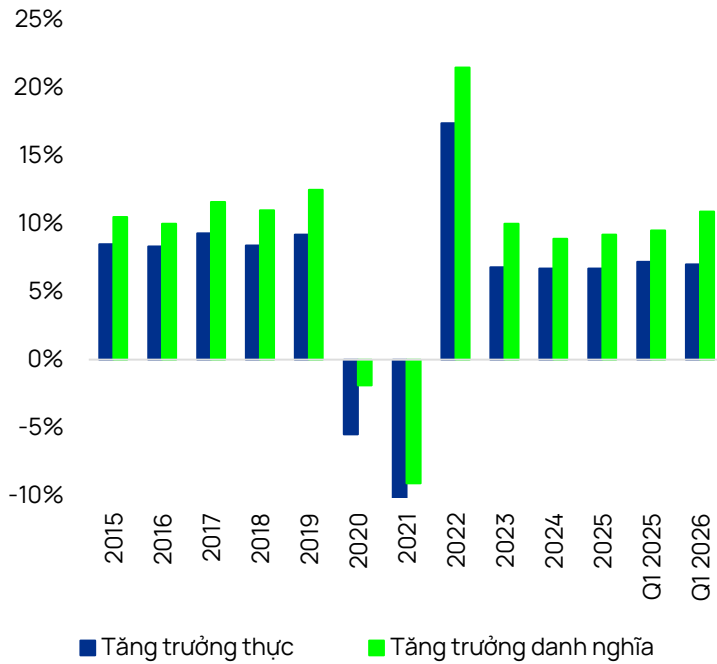
Tổng doanh thu bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 12,1% YoY trong tháng 3/2026 (so với mức +9,8% YoY trong tháng 3/2025). Trong quý 1/2026, tổng doanh thu bán lẻ tăng 10,9% YoY, vượt mức tăng 9,5% YoY ghi nhận trong quý 1/2025. Tuy nhiên, nếu loại trừ yếu tố giá, tổng doanh thu bán lẻ tăng 7,0% YoY, thấp hơn một chút so với mức tăng trưởng 7,2% YoY trong cùng kỳ năm ngoái. Sự chênh lệch này phản ánh việc tăng giá, thay vì sản lượng, là yếu tố chính thúc đẩy tăng trưởng tổng doanh thu bán lẻ.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa (chiếm 76,3% tổng doanh thu bán lẻ) tăng 10,9% YoY. Trong nhóm này, ngành hàng may mặc và lương thực, thực phẩm lần lượt tăng 9,9% YoY và 9,8% YoY. Khu vực Dịch vụ ghi nhận động lực tăng trưởng mạnh hơn, nhờ nhu cầu nghỉ lễ tăng cao và lượng khách quốc tế duy trì ổn định. Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 13,3% YoY, trong khi dịch vụ du lịch lữ hành tăng 12,5% YoY. Lượng khách quốc tế cũng tăng 1,3% YoY đạt 2,1 triệu lượt trong tháng 3, đưa tổng lượng khách trong quý 1/2026 lên mức kỷ lục 6,8 triệu lượt (+12,4% YoY) - mức quý 1 cao nhất từ trước đến nay.

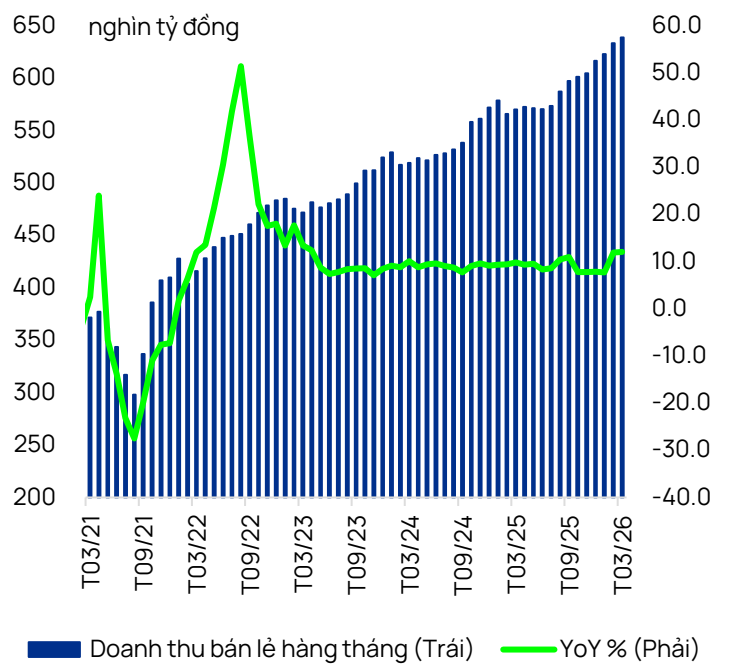
Lưu ý: Cục Thống kê gần đây đã điều chỉnh tăng mức tăng trưởng tổng doanh thu bán lẻ tháng 2 lên 11,9% YoY từ ước tính ban đầu là 8,5% YoY, với lý do dữ liệu sơ bộ trong dịp Tết Nguyên đán thường dễ bị sai lệch thống kê. Việc điều chỉnh này do các thay đổi tăng đối với doanh thu bán lẻ hàng hóa (từ 8,8% YoY lên 12,3% YoY) và lưu trú, ăn uống (từ 9,7% YoY lên 14,0% YoY). Do đó, dữ liệu điều chỉnh cho thấy tổng doanh thu bán lẻ thực tế đã tăng trưởng mạnh trong dịp Tết, trái ngược với đánh giá trong [Báo cáo Cập nhật Vĩ mô công bố ngày 12/03/2026](#) của chúng tôi rằng tiêu dùng trong nước tăng trưởng khiêm tốn.

Triển vọng: Căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông có thể giữ giá dầu ở mức cao, đẩy chi phí nhiên liệu trong nước và lạm phát gia tăng. Giá cả cao hơn có thể làm kìm hãm nhu cầu tiêu dùng trong thời gian tới. Tuy nhiên, các biện pháp kịp thời của Chính phủ – thông qua việc giảm thuế nhập khẩu xăng dầu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế GTGT đối với nhiên liệu, các loại phí giao thông và sử dụng quỹ bình ổn xăng dầu – sẽ giúp kiềm chế áp lực về giá.

Hình 12: Doanh thu bán lẻ, YoY



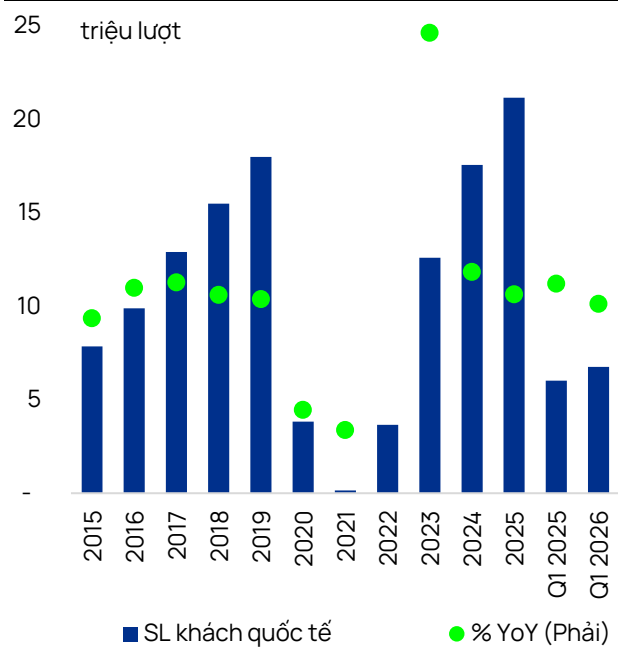
Hình 13: Doanh thu bán lẻ hàng tháng



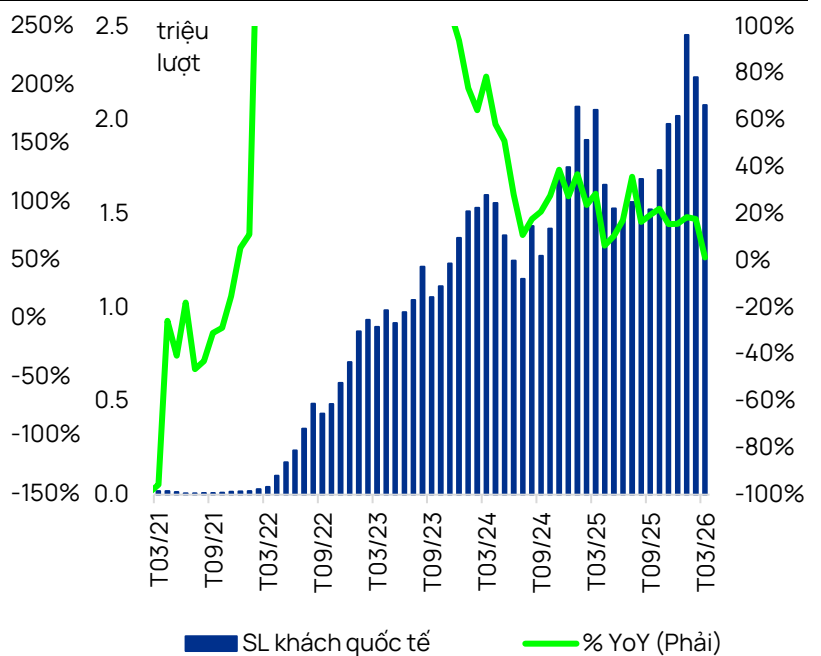
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 14: Lượng khách quốc tế



Hình 15: Lượng khách quốc tế hàng tháng



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Ngân sách Nhà nước

Giải ngân đầu tư công tăng tốc trong tháng 3

Theo Bộ Tài chính, thu NSNN tăng 11,4% YoY đạt 829,4 tỷ đồng trong quý 1/2026, hoàn thành gần 33% kế hoạch cả năm. Kết quả khả quan này chủ yếu nhờ tăng trưởng tích cực của thu nội địa (+12,5% YoY đạt 740,7 tỷ đồng). Trong khi đó, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng 7,6% YoY đạt 77,4 tỷ đồng, trong khi thu từ dầu thô giảm 15,8% YoY, đạt 11,2 tỷ đồng.

Về phía chi ngân sách, chi tiêu Nhà nước tăng 23,1% YoY đạt 530,1 tỷ đồng trong quý 1/2026, hoàn thành 16,8% kế hoạch năm. Trong đó, chi thường xuyên tăng 18,8% YoY đạt 376,0 tỷ đồng, hoàn thành 20,8% kế hoạch năm. Đáng chú ý, sau khởi đầu khiêm tốn trong tháng 1 (34,1 tỷ đồng) và tháng 2 (8,4 tỷ đồng), giải ngân đầu tư công đã tăng tốc trong tháng 3 đạt 73,6 tỷ đồng. Điều này đưa tổng giải ngân đầu tư công quý 1/2026 lên 116,1 tỷ đồng, tăng 44,6% YoY và hoàn thành 10,4% kế hoạch năm (so với mức trung bình quý 1 giai đoạn 2018–2025 là 11,2%).

Theo đó, NSNN ghi nhận thặng dư 299,3 tỷ đồng trong quý 1/2026, tăng nhẹ so với mức thặng dư 293,1 tỷ đồng ghi nhận trong quý 1/2025.

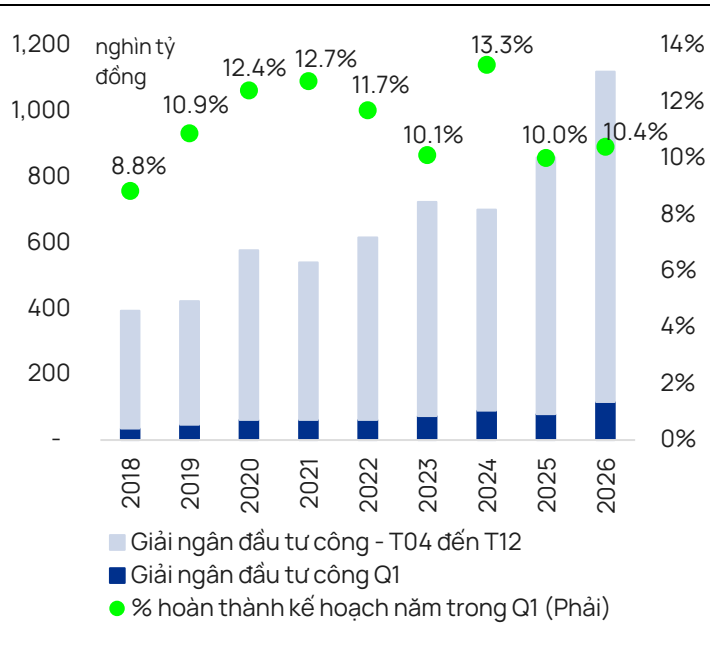
Triển vọng: Đầu tư công vẫn là động lực tăng trưởng then chốt trong bối cảnh bất ổn địa chính trị toàn cầu. Với bộ máy lãnh đạo mới đã kiện toàn, chúng tôi kỳ vọng Chính phủ sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc giải ngân đầu tư công trong những tháng tới.

Hình 16: Cơ cấu Ngân sách Nhà nước

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng	Q1 2026	% kế hoạch năm	YoY %
Thu ngân sách	829,4	32,8%	11,4%
Thu trong nước	740,7	33,7%	12,5%
Thu từ dầu thô	11,2	26,1%	-15,8%
Thu từ xuất nhập khẩu	77,4	27,8%	7,6%
Khác	0,1		
Chi ngân sách	530,1	16,8%	23,1%
Chi thường xuyên	376,0	20,8%	18,8%
Chi đầu tư phát triển	116,1	10,4%	44,6%
Chi trả nợ lãi	37,2	30,7%	11,9%
Khác	0,8		
Cán cân ngân sách	299,3		

Nguồn: Bộ Tài chính, Cục Thống kê, Vietcap tổng hợp

Hình 17: Giải ngân đầu tư công theo năm



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

FDI

Vốn FDI đăng ký đạt mức cao nhất trong gần 8 năm

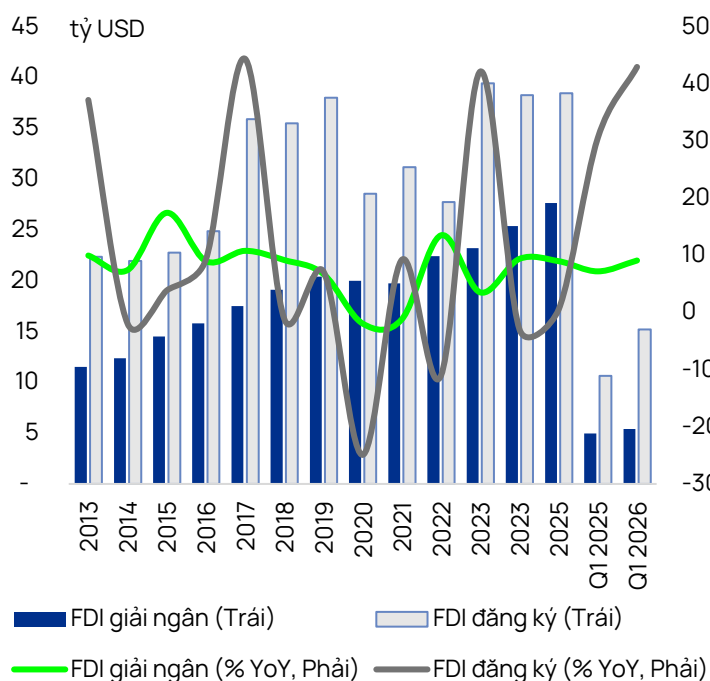
Trong tháng 3, vốn FDI đăng ký tăng mạnh 145,7% YoY đạt 9,2 tỷ USD, đánh dấu mức đăng ký hàng tháng cao nhất trong gần 8 năm qua. Trong quý 1/2026, tổng vốn FDI đăng ký tăng mạnh 42,9% đạt 15,2 tỷ USD. Trong khi đó, vốn FDI giải ngân duy trì ổn định, tăng 9,4% YoY đạt 2,2 tỷ USD trong tháng 3, đưa tổng vốn FDI giải ngân trong quý 1/2026 lên 5,4 tỷ USD (+9,1% YoY).

Trong tổng vốn FDI đăng ký quý 1/2026, ngành sản xuất, chế biến & chế tạo (9,2 tỷ USD) tiếp tục là lĩnh vực hấp dẫn nhất, chiếm 60,8% tổng vốn FDI đăng ký trong quý 1/2026. Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước (tiện ích) đứng thứ hai với 2,3 tỷ USD (chiếm tỷ trọng 15,0%).

Về đối tác đầu tư theo quốc gia/vùng lãnh thổ, Singapore (6,3 tỷ USD; tỷ trọng 41,7%) đã vượt qua Hàn Quốc (4,4 tỷ USD; tỷ trọng 28,8%) để vươn lên vị trí dẫn đầu. Indonesia (1,7 tỷ USD) và Trung Quốc (828 triệu USD) lần lượt xếp thứ ba và thứ tư trong danh sách các nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam trong quý 1/2026.

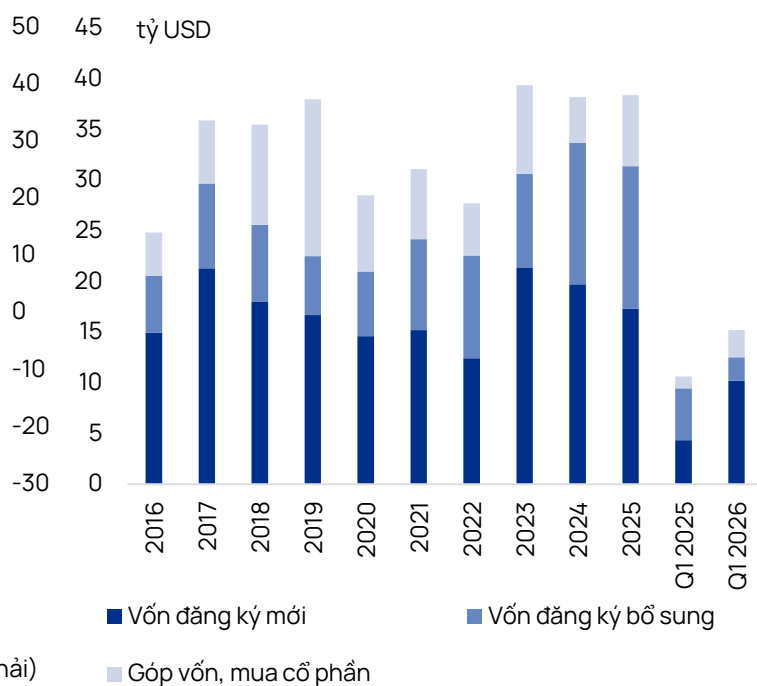
Triển vọng: Các nhà lãnh đạo doanh nghiệp hàng đầu Hàn Quốc đang lên kế hoạch thăm Việt Nam vào cuối tháng 4 để tìm kiếm các cơ hội kinh doanh chiến lược và củng cố chuỗi cung ứng toàn cầu trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng. Chuyến thăm này tạo ra những cơ hội hứa hẹn giúp Việt Nam thu hút dòng vốn FDI mạnh hơn nữa từ Hàn Quốc trong tương lai, tiếp tục thúc đẩy dòng vốn đầu tư nước ngoài vào trong nước.

Hình 18: Tăng trưởng FDI đăng ký và giải ngân



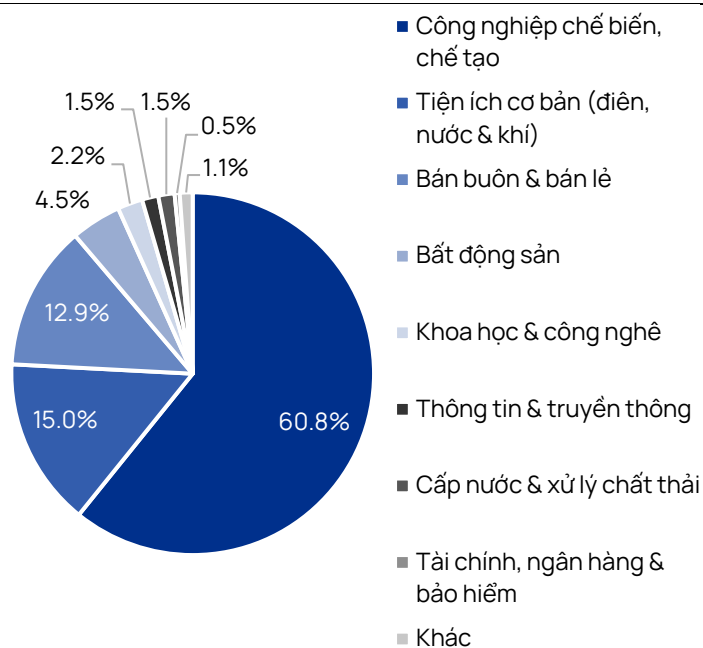
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 19: FDI đăng ký theo loại hình



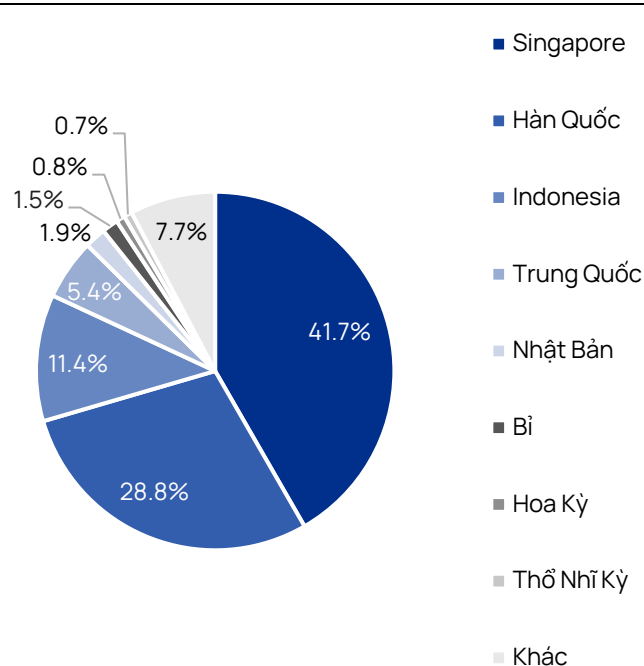
Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 20: FDI đăng ký theo ngành trong Q1 2026



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

Hình 21: FDI đăng ký theo quốc gia/khu vực trong Q1 2026



Nguồn: Bộ Tài chính, Vietcap

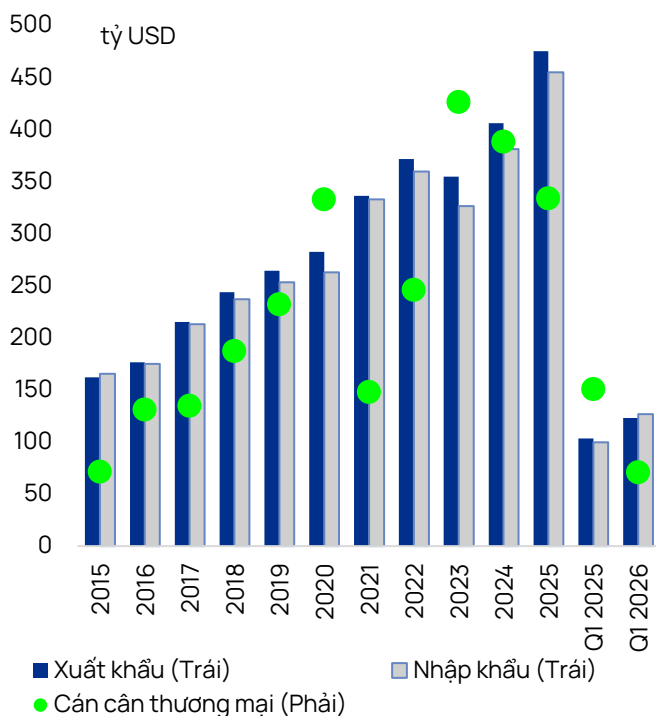
Hoạt động thương mại

Việt Nam ghi nhận thâm hụt thương mại cao trong quý 1/2026

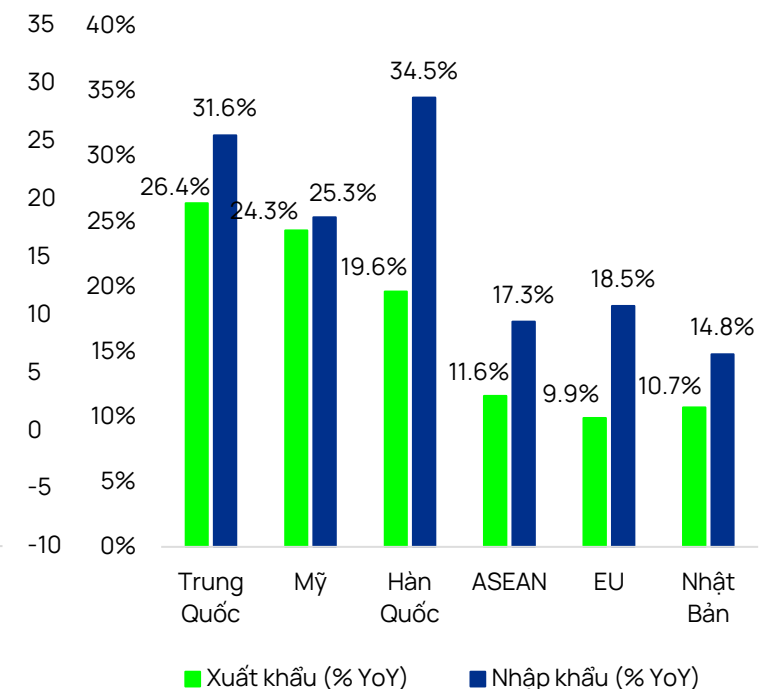
Theo dữ liệu từ Cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch nhập khẩu tiếp tục xu hướng tăng trong tháng 3, tăng 20,1% YoY và 27,8% YoY, lần lượt đạt 46,4 tỷ USD và 47,1 tỷ USD, dẫn đến mức thâm hụt thương mại 676,8 triệu USD. Trong khi Việt Nam tiếp tục tăng cường nhập khẩu nguyên liệu đầu vào cho sản xuất trong nước, chúng tôi tin rằng động lực chính gây ra thâm hụt trong tháng 3 là sự gia tăng đột biến của nhập khẩu nhiên liệu bắt nguồn từ căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông. Đáng chú ý, thâm hụt thương mại các sản phẩm xăng dầu đã tăng gấp đôi trong tháng 3 lên mức 1,4 tỷ USD, so với mức trung bình 694 triệu USD trong hai tháng trước đó. Nếu không có mức tăng đến từ nhiên liệu, Việt Nam có khả năng đã ghi nhận thặng dư thương mại trong tháng.

Trong quý 1/2026, cả kim ngạch xuất khẩu (122,9 tỷ USD; +19,1% YoY) và kim ngạch nhập khẩu (126,6 tỷ USD; +27,0% YoY) vẫn duy trì đà tăng mạnh. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng nhập khẩu nhanh hơn (chủ yếu do máy tính & sản phẩm điện tử và xăng dầu) đã dẫn đến mức thâm hụt thương mại lũy kế 3,6 tỷ USD - mức thâm hụt quý 1 lớn nhất từng được ghi nhận kể từ khi chúng tôi bắt đầu theo dõi dữ liệu vào năm 2011.

Hình 22: Kim ngạch XNK và cán cân thương mại



Hình 23: Các thị trường XNK chính trong Q1 2026



Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

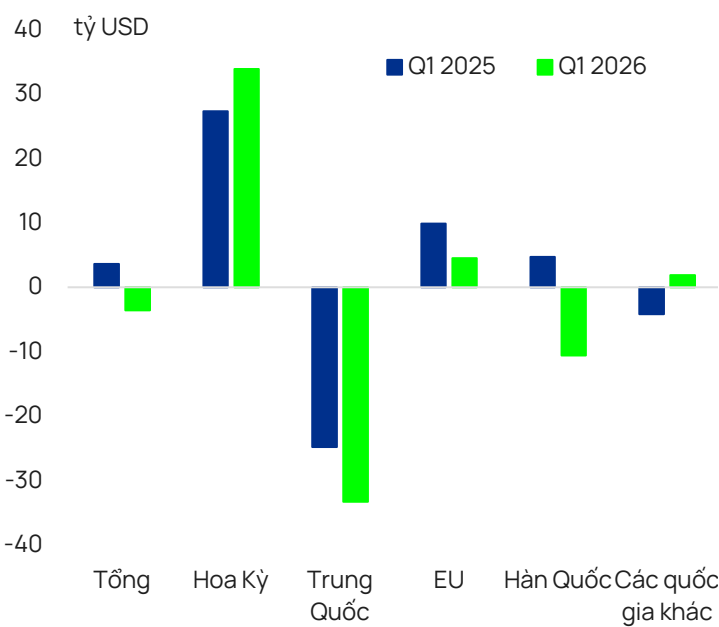
Phân tích kết quả thực hiện trong quý 1/2026, ba nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu đều ghi nhận mức tăng trưởng mạnh: Máy tính & linh kiện điện tử (30,7 tỷ USD; +45,5% YoY, chiếm 25,0% tổng kim ngạch xuất khẩu), điện thoại & linh kiện (16,7 tỷ USD; +19,3% YoY, tỷ trọng 13,6%), và máy móc thiết bị (15,0 tỷ USD; +21,2% YoY, tỷ trọng 12,2%). Về phía nhập khẩu, ba nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất bao gồm máy tính & linh kiện điện tử (47,6 tỷ USD; +50,5% YoY), máy móc thiết bị (15,5 tỷ USD; +22,6% YoY), và vải (3,4 tỷ USD; -1,7% YoY).

Mỹ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng khoảng 28% YoY trong tháng 3 (sau mức tăng 32,5% YoY trong tháng 1 và 9,7% YoY trong tháng 2), đưa tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong quý 1/2026 lên mức 39,0 tỷ USD (+24,3% YoY). Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai (16,8 tỷ USD; +26,4% YoY), tiếp theo là EU ở vị trí thứ ba (15,1 tỷ USD; +9,9% YoY). Trong khi đó, nhập khẩu từ Trung Quốc - thị trường nhập

khẩu lớn nhất của Việt Nam - đã tăng 31,6% YoY đạt 50,1 tỷ USD, còn Hàn Quốc xếp thứ hai với 18,7 tỷ USD (+34,5% YoY).

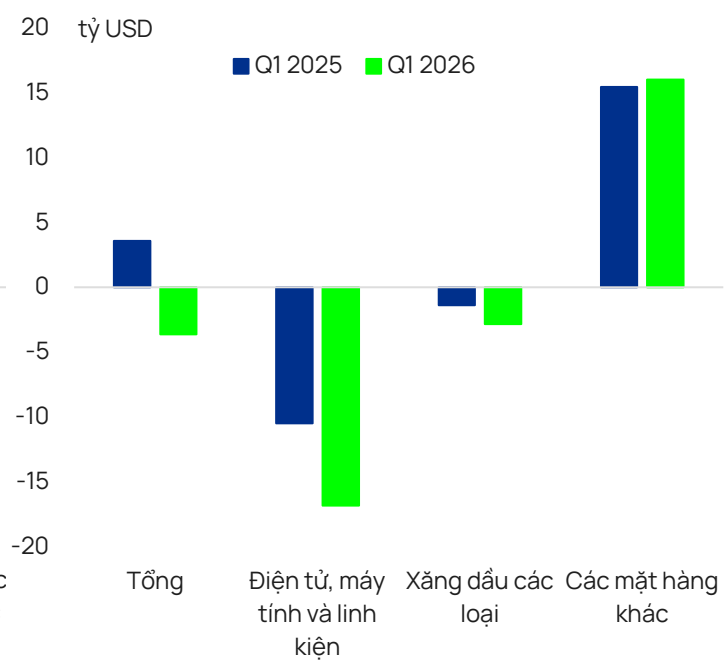
Triển vọng: Theo dữ liệu PMI mới nhất, rủi ro xung đột leo thang tại Trung Đông có thể tác động tiêu cực đến nhu cầu quốc tế và làm giảm lượng đơn hàng xuất khẩu mới, tương ứng với rủi ro điều chỉnh giảm dự báo đối với hoạt động xuất khẩu trong những tháng tới. Tuy nhiên, các nhà xuất khẩu có thể đẩy mạnh giao hàng sang Mỹ để tận dụng mức thuế thấp hơn (10%) áp dụng cho nhiều loại hàng hóa, so với mức thuế đối ứng 20% trước đó.

Hình 24: Cán cân thương mại theo thị trường



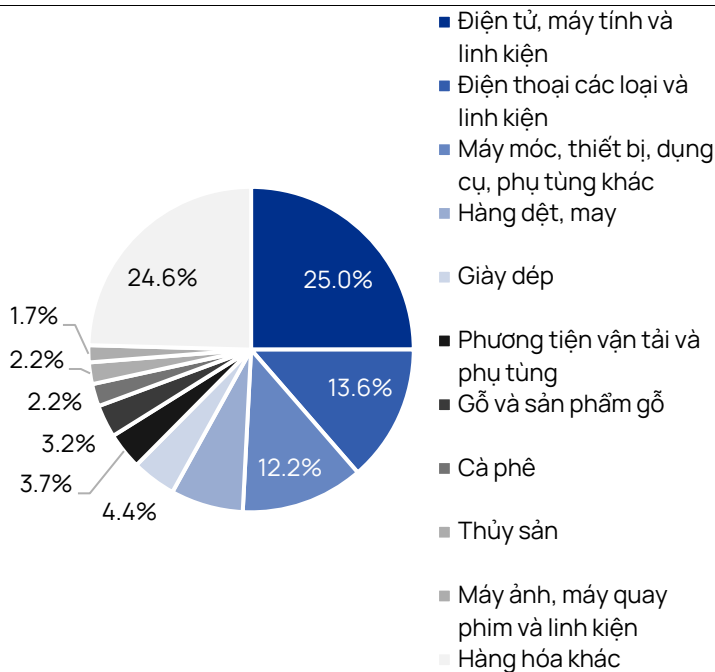
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Hình 25: Cán cân thương mại theo một số dòng sản phẩm



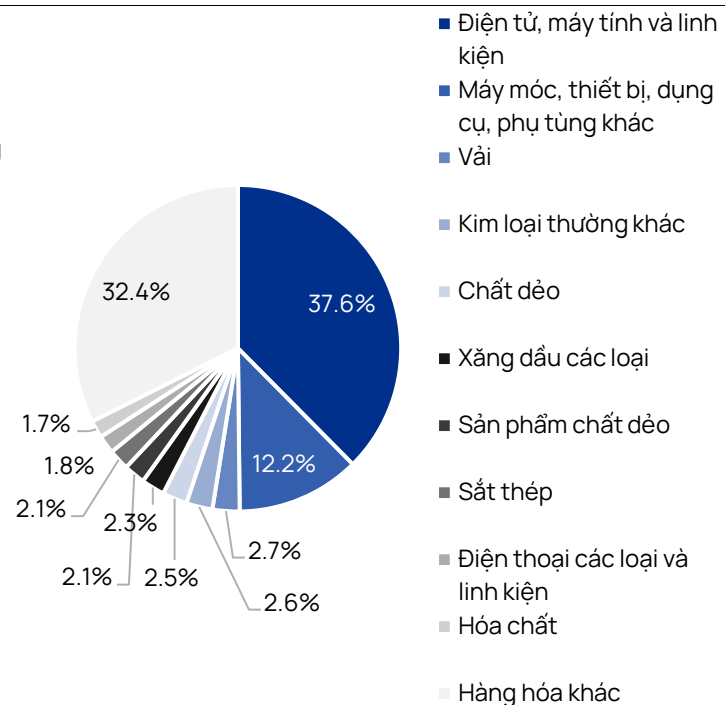
Nguồn: Cục Hải quan, Cục Thống kê, Vietcap

Hình 26: Các mặt hàng XK chính trong Q1 2026



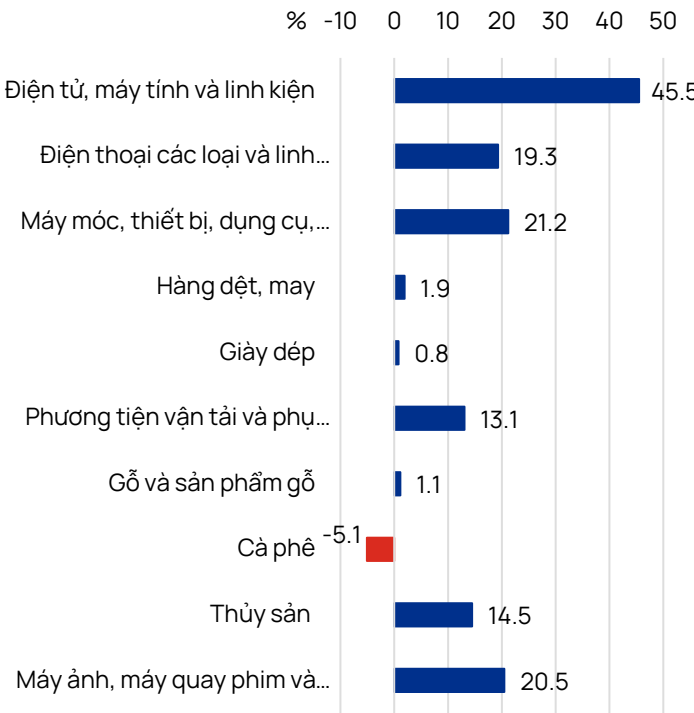
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 27: Các mặt hàng NK chính trong Q1 2026



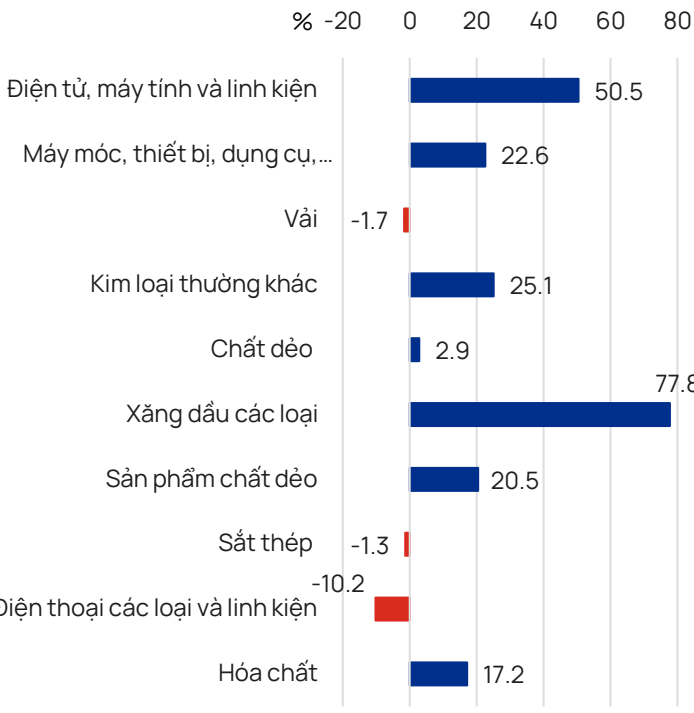
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 28: Tăng trưởng XK theo mặt hàng trong Q1 2026 (YoY %)



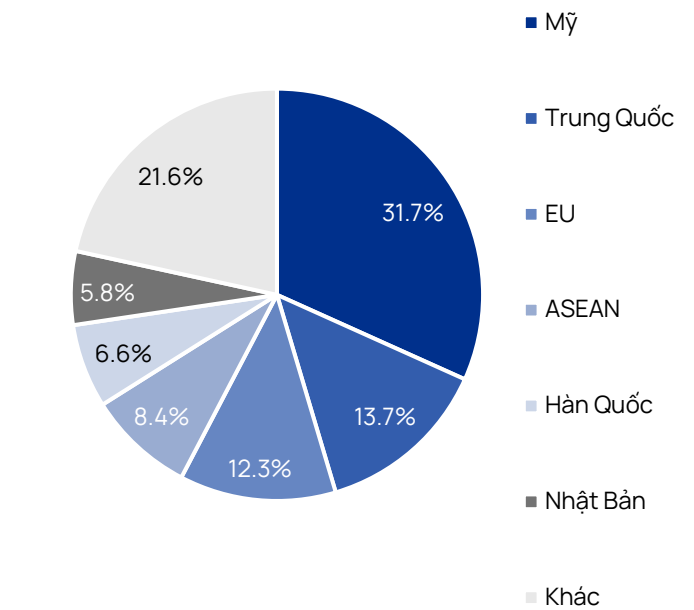
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 29: Tăng trưởng NK theo mặt hàng trong Q1 2026 (YoY %)



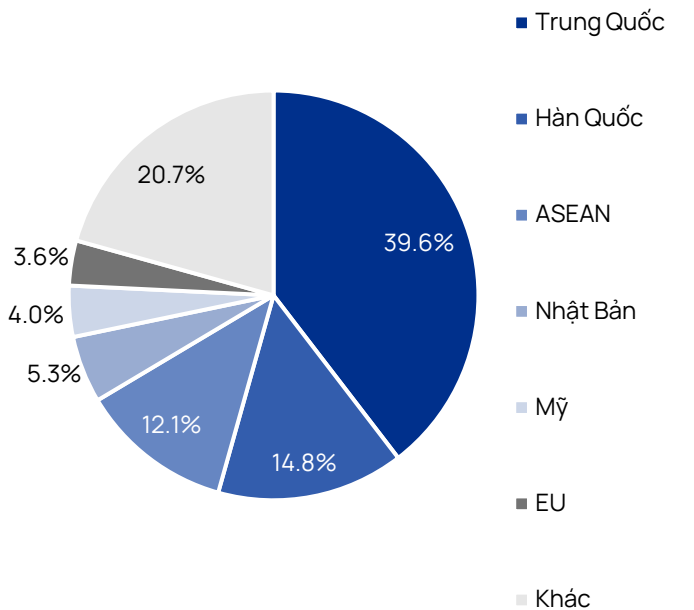
Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 30: Thị trường XK chính trong Q1 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 31: Thị trường NK chính trong Q1 2026



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Lạm phát

Giá xăng dầu khiến chỉ số CPI tăng mạnh trong tháng 3

Trong tháng 3, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 1,23% MoM và 4,65% YoY, đưa CPI bình quân quý 1/2026 lên mức 3,5%. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến CPI trong tháng 3 bao gồm:

- CPI nhóm giao thông tăng 12,8% MoM, đóng góp 1,28 điểm % vào CPI chung, do giá xăng dầu trong nước tăng mạnh trong tháng 3 (giá xăng Ron 95 tăng +29,7% MoM).
- Ngược lại, CPI Nhóm lương thực, thực phẩm và dịch vụ ăn uống giảm 0,59%, giúp giảm CPI chung 0,21 điểm %, do giá thịt lợn (-2,9% MoM), rau tươi (-3,1%) và các loại thực phẩm khác giảm nhờ nguồn cung dồi dào.

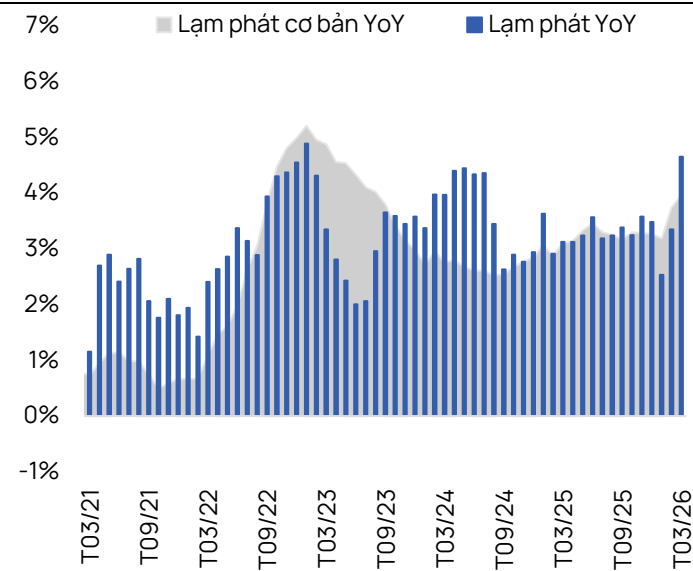
Triển vọng: Lệnh ngừng bắn kéo dài hai tuần giữa Mỹ và Iran có thể giúp giảm bớt áp lực lên CPI tháng 4. Giá dầu thô Brent đã giảm 15% xuống dưới 95 USD/thùng vào ngày 08/04 sau thông báo về lệnh ngừng bắn. Do đó, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính đã điều chỉnh giảm giá xăng dầu trong nước khoảng 11,3% (đối với xăng RON 95) vào ngày 08/04.

Hình 32: Lạm phát trong tháng 3/2026

	CPI MoM (T3/2026 so với T2/2026)	CPI YoY (T3/2026 so với T3/2025)	CPI YTD (T3/2026 so với T12/2025)	CPI bình quân (Q1 2026 so với Q1 2025)
Lạm phát	1,23%	4,65%	2,44%	3,51%
Lạm phát cơ bản	0,47%	3,96%	N/A	3,63%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 33: CPI



Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Hình 34: CPI theo danh mục

Nhóm ngành	Tỷ trọng	T2/25 YoY	T3/26 YoY
Tổng CPI	100%	3,13%	4,65%
Lương thực/thực phẩm & dịch vụ ăn uống	35,82%	3,83%	4,72%
Đồ uống & thuốc lá	1,75%	2,05%	3,44%
Quần áo, giày dép & mũ	3,52%	1,16%	1,82%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	22,70%	5,30%	5,88%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	5,14%	1,58%	2,44%
Thuốc & dịch vụ y tế	4,66%	14,59%	1,00%
Giao thông	9,98%	-4,07%	10,81%
Viễn thông	3,74%	-0,52%	-0,07%
Giáo dục	5,97%	-0,25%	3,30%
Văn hóa, thể thao & giải trí	3,14%	2,16%	2,07%
Hàng hóa & dịch vụ khác	3,58%	6,53%	4,01%

Nguồn: Cục Thống kê, Vietcap

Tỷ giá

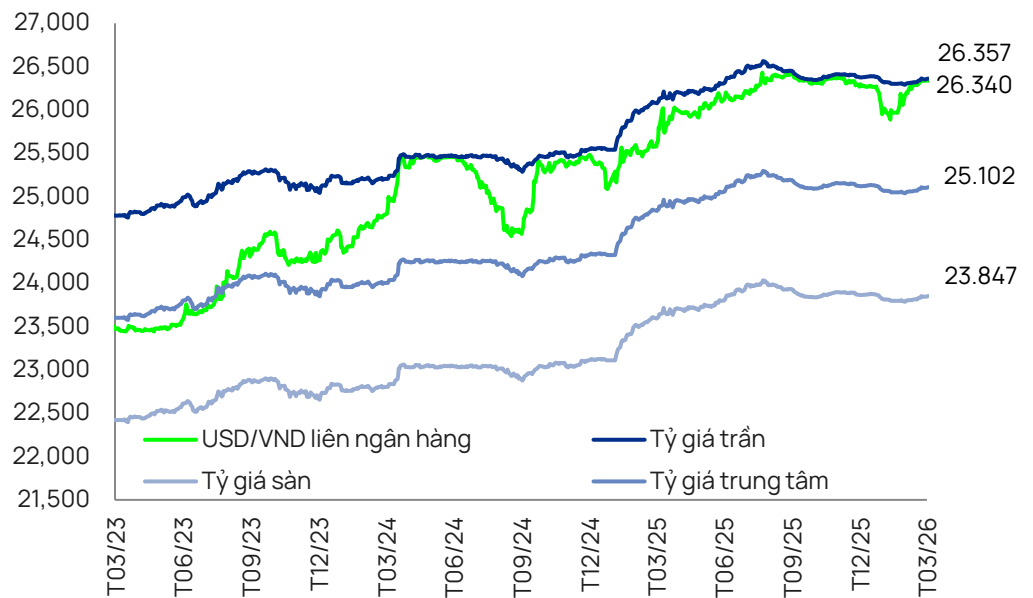
Tỷ giá USD/VND tăng 1,1% trong tháng 3

Tỷ giá USD/VND tăng 1,1% trong tháng 3, giao dịch ở mức 26.340 trên thị trường liên ngân hàng (tính từ đầu năm, tỷ giá USD/VND đã tăng 0,2%) do mức tăng của chỉ số DXY (+2,4% trong tháng 3) và nhu cầu USD tại thị trường trong nước tăng.

Để ổn định tỷ giá, NHNN đã bán một lượng lớn USD cho các ngân hàng thương mại thông qua hợp đồng kỳ hạn 180 ngày vào ngày 24/03.

Triển vọng: Một số yếu tố có thể gây áp lực lên tâm lý thị trường ngoại hối ngắn hạn bao gồm (1) đồng USD có thể mạnh lên, (2) thay đổi kỳ vọng về diễn biến lãi suất của Fed khi nhà đầu tư điều chỉnh dự báo từ một đợt cắt giảm lãi suất sang không có đợt cắt giảm lãi suất trong năm nay, và (3) rủi ro thâm hụt thương mại kéo dài (tháng 3 là tháng thâm hụt thứ 4 liên tiếp). Ngược lại, dòng vốn FDI ổn định (giải ngân quý 1/2026 tăng 9,1% YoY) có thể giúp giảm bớt một phần áp lực lên tỷ giá.

Hình 35: Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Các chỉ báo vĩ mô

CHỈ BÁO VĨ MÔ	2019	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026F	2027F	Đơn vị	Nguồn dữ liệu
Tăng trưởng GDP (thực)	7,4	2,9	2,6	8,5	5,0	7,0	8,0	8,5	8,8	% YoY	Cục Thống kê
GDP danh nghĩa	334	347	366	409	430	476	514	550	599	Tỷ USD	NHTG
GDP đầu người	3.491	3.586	3.756	4179	4347	4.701	5.026	5.326	5.747	USD	NHTG
Tỷ lệ thất nghiệp	2,0	2,5	3,0	2,1	2,2	2,1	2,0	2,1	2,1	%	Cục Thống kê
Giải ngân FDI	20,4	20,0	19,7	22,4	23,2	25,4	27,6	29,0	31,0	Tỷ USD	Cục ĐTNN
Giải ngân FDI (% GDP)	6,2	5,8	5,4	5,5	5,4	5,3	5,4	5,3	5,2	% GDP	Cục ĐTNN
Xuất khẩu (% GDP)	80,0	82,3	92,7	92,1	82,2	85,3	92,4	96,7	101,3	% GDP	Cục HQ, Cục Thống kê
Tăng trưởng xuất khẩu	8,4	6,9	18,9	10,6	-4,6	14,4	17,0	12,0	14,0	% YoY	Cục HQ, Cục Thống kê
Tăng trưởng nhập khẩu	7,0	3,7	26,7	8,0	-9,2	16,7	19,4	13,0	14,5	% YoY	Cục HQ, Cục Thống kê
Cán cân thương mại hàng hóa	10,9	19,9	3,3	12,1	28,4	24,9	20,1	18,0	18,0	Tỷ USD	Cục HQ, Cục Thống kê
Dự trữ ngoại hối	78,0	94,4	107	86,0	93,0	81,2	80,0	85,0	92,0	Tỷ USD	NHNN, NHTG
Dự trữ ngoại hối (% GDP)	23,7	27,6	30,2	21,0	21,6	17,1	15,6	15,5	15,4	% GDP	NHNN
Lạm phát (bình quân)	2,8	3,2	1,8	3,2	3,3	3,6	3,3	4,3	4,0	% YoY	Cục Thống kê
VND tăng (trượt) giá so với USD	0,0	0,3	1,2	-3,4	-2,8	-4,8	-3,1	-2,0	-2,0	%	Bloomberg
Lãi suất trần huy động (< 6 tháng)	5,0	4,0	4,0	6,0	4,75	4,75	4,75	4,75	4,75	%	NHNN
Tăng trưởng tín dụng	13,6	12,2	13,6	14,2	13,5	15,1	19,0	17,9	16,5	% YoY	NHNN
Thâm hụt ngân sách (không tính hoàn trả nợ gốc)	-2,1	-2,7	-2,5	-4,3	-4,0	-3,1	-3,6	-4,2	-4,2	% GDP	Bộ Tài chính
Nợ công	43,1	43,7	43,1	38,0	36,6	36-37	35-36	36-37	37-38	% GDP	Bộ Tài chính, NHTG

Lưu ý: Vietcap là nguồn cho tất cả các dự báo – ngoại trừ thâm hụt ngân sách và nợ công trích nguồn từ Bộ Tài chính).

Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Chúng tôi, Đào Minh Quang & Hoàng Thủy Lương, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại) / giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thủy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên cao cấp, ext 181

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Phó Trưởng phòng, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.